|  |  |
| --- | --- |
| **Axes** | **Ý nghĩa** |
| ancestor:: | Tổ tiên của context node.  Những tổ tiên của context node gồm có cha, ông nội, ông cố .v.v., do đó ancestor:: axis luôn luôn kể cả root node trừ khi chính context node là root node. |
| ancestor-or-self:: | Chính context node và tổ tiên của nó.  Cái ancestor-or-self:: axis luôn luôn kể cả root node. |
| attribute:: | Các Attributes của context node.  Nếu context node không phải là một Element thì chắc chắn axis sẽ trống rỗng. |
| child:: | Con cái của context node.  Một con là bất cứ node nào nằm ngay dưới context node trong tree. Tuy nhiên, Attribute hay Namespace nodes không được xem là con cái của context node. |
| descendant:: | Con cháu của context node.  Con cháu là con, cháu, chít, .v.v., do đó descendant:: axis không bao giờ chứa Attribute hay Namespace nodes. |
| following:: | Mọi nodes hiện ra sau context node trên tree, không kể con cháu, Attribute nodes, hay Namespace nodes. |
| following-sibling:: | Mọi nodes em (nằm sau) context node.  following-sibling:: axis nói đến chỉ những Nodes con, của cùng một Node cha, nằm trên tree sau context node. Axis không kể các Nodes anh nằm trước context node.  Nếu context node là Attribute hay Namespace thì following-sibling:: axis sẽ trống rỗng. |
| namespace:: | Những Namespace nodes của context node.  Mỗi namespace có một namespace node trong scope (phạm vi hoạt động) của context node.  Nếu context node không phải là một Element thì Axis sẽ trống rỗng. |
| parent:: | Node cha của context node, nếu nó có cha.  Node cha là node nằm ngay phía trên context node trên tree. |
| preceding:: | Mọi nodes hiện ra trước context node trên tree, không kể các nodes tổ tiên, Attribute nodes, hay Namespace nodes.  Một cách để nhận diện preceding:: axis là mọi nodes đã kết thúc hoàn toàn trước khi context node bắt đầu. |
| preceding-sibling:: | Mọi nodes anh (nằm trước) context node.  preceding-sibling:: axis nói đến chỉ những Nodes con, của cùng một Node cha, nằm trên tree trước context node.  Nếu context node là Attribute hay Namespace thì preceding-sibling:: axis sẽ trống rỗng. |
| self:: | Là chính context node. |